TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43 /2024/DS-PT
Ngày 19 – 3 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng
Các thẩm phán: Ông Lê Viết Hòa
Bà Nguyễn Thị Nga

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Thế Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Mến – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Dân sự thụ lý số 270/2024/TLPT- DS ngày 29 tháng 11 năm 2023 về việc *"*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*"*.

Do Bản án số: 38/2024/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim O, sinh năm 1974 (Có mặt)
HKTT: Khu phố 2, phường L, TX. P, tỉnh Bình Phước
Chỗ ở hiện nay: Khu phố 5 phường L, TX. P, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Bà Vũ Thị Minh C, sinh năm 1969
Ông Lê Văn R, sinh năm 1965
Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

+ Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Vũ Thị Minh C:
Anh Nguyễn Hạo D, sinh năm 2000 (Có mặt)
Địa chỉ: Khu phố 3, phường L, TX. P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn R:

Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971 (Ông H ủy quyền cho bà Trần Thị Kim O).

Chỗ ở: KP 5, P. L, TX. P, tỉnh Bình Phước.

- Người kháng cáo: bị đơn ông Lê Văn R.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Kim O trình bày:

Bà và ông Lê Văn R, bà Vũ Thị Minh C có mối quan hệ quen biết, cùng mua bán điều.

Trước ngày 29-3-2023 khoảng một tuần, bà C liên hệ hỏi vay bà số tiền hai đến ba tỷ để đáo hạn ngân hàng, các bên có thỏa thuận về thời hạn trả nợ, lãi suất vay nhưng bà không có đủ tiền cho bà C vay. Ngày 29/3/2023, bà C gọi điện từ số điện thoại 0918.837.651của bà C vào số điện thoại 0984.755.635 của bà để hỏi vay tiền mua điều, bà đồng ý cho vay số tiền 1.100.000.000 đồng. Bà chuyển khoản từ tài khoản số 050004233104, chủ tài khoản Trần Thị Kim O tại NH Sacombank tới tài khoản số 050045613337, chủ tài khoản Vũ Thị Minh C tại NH Sacombank 03 lần gồm: Lần 1 số tiền 400 triệu, lần 2 số tiền 300 triệu và lần 3 số tiền 400 triệu.

Sau 01 tuần đến 10 ngày, kể từ thời điểm chuyển tiền cho bà C vay, bà gọi điện yêu cầu cho bà C trả nợ nhưng bà C trả lời hết khả năng trả nợ và hứa sẽ bán xưởng điều để trả nợ. Bà cũng nghe thông tin, bà C hiện đang nợ nhiều người, tài sản thế chấp hết ngân hàng, không còn khả năng trả nợ.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện P buộc bà Vũ Thị Minh C và ông Lê Văn R có nghĩa vụ trả nợ số tiền 1.100.000.000 đồng và lãi suất đối với số tiền đã vay là 2%/1 tháng/số tiền vay tính từ thời điểm vay (ngày 29/3/2023) tạm tính đến ngày 07/7/2023 là 70.882.000 đồng (Bảy mươi triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng). Ngoài ra, buộc ông R, bà C tiếp tục trả lãi cho tôi đối với số tiền gốc đã vay chưa trả theo lãi suất thỏa thuận là 2%/1 tháng cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, bà yêu cầu lãi suất của số tiền vay là 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 30/5/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/10/2023.

2. Bị đơn ông Lê Văn R trình bày:

Việc bà O và bà C giao dịch số tiền 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng), cả hai không thông báo cho ông biết. Số tiền vay này, bà C dùng vào mục đích cá nhân, không phục vụ cho nhu cầu chung của gia đình. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện của bà O về việc buộc ông có nghĩa vụ liên đới cùng bà C trả nợ, ông không đồng ý.

3. Bị đơn bà Vũ Thị Minh C trình bày:

Bà thừa nhận có vay của bà Trần Thị Kim O số tiền 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng). Mục đích vay tiền để tiêu xài cá nhân. Khi vay tiền, các bên không thỏa thuận về thời hạn và lãi suất. Trước yêu cầu khởi kiện của bà O, bà đồng ý trả số tiền đã vay là 1.100.000.000 đồng, không đồng ý yêu cầu về lãi suất.

Tại Bản án sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P quyết định.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Trần Thị Kim O.

Buộc bị đơn Lê Văn R, bà Vũ Thị Minh C có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Trần Thị Kim O và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H số tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 16/10/2023 là 41.890.410 đồng, tổng cộng là 1.141.890.410 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm đã tuyên. Ngày 26/10/2023, ông Lê Văn R kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 16/10/2023, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, sửa án sơ thẩm vì bà C vay của bà O sử dụng cá nhân không sử dụng cho việc chi tiêu trong gia đình, ông không liên quan nên không đồng ý việc phải liên đới trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn và đại diện ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn R không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đại diện ủy quyền của bị đơn ông R giữ nguyên kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn R, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2023/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định, thực hiện đúng quyền và có hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các điều 271, 272 và 273 BLTTDS, nên hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông R thấy rằng:

Bị đơn Vũ Thị Minh C cũng như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận có vay bà Trần Thị Kim O số tiền 1.100.000.000 bằng phương thức chuyển khoản và sau khi xét xử sơ thẩm bà C không kháng cáo. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông R trình bày ông không biết cũng như không được bà O thông báo về việc bà O cho bà C vay số tiền 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng) nên việc vay tiền của bà Cầm là để sử dụng cho mục đích cá nhân, không phục vụ cho nhu cầu chung của gia đình. Bà C trình bày mục đích vay tiền để tiêu xài cá nhân (BL 31) không liên quan đến ông R. Nguyên đơn bà O khẳng định, giữa bà với bà C hai bên có mối quan hệ kinh doanh mua bán điều, vì vậy việc vay tiền của bà C là nhằm mục đích mua điều nên bà O mới đồng ý cho vay.

Xét giao dịch vay tiền giữa các bên đương sự, mặc dù bà C là người thực hiện giao dịch, tài khoản nhận tiền vay là tài khoản cá nhân của bà C nhưng giao dịch vay tiền này được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của ông R với bà C. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án ông R, bà C đều thừa nhận công việc và nguồn thu nhập chính của gia đình là từ kinh doanh mua bán hạt điều, ngoài ra không có nguồn thu nhập, công việc nào khác. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà C cũng thừa nhận, vợ chồng ông R, bà C thành lập doanh nghiệp tư nhân Cầm R, kinh doanh điều, bà C là người đại diện theo pháp luật của công ty đồng thời trực tiếp kinh doanh chính, quyết định các vấn đề trong kinh doanh, ông R chỉ là người phụ giúp cho bà C.

Như vậy, việc ông R, bà C cho rằng đây là khoản vay nhằm sử dụng vào mục đích cá nhân của bà C nhưng lại không có chứng cứ nào chứng minh việc bà C sử dụng vào mục đích cá nhân. Mặt khác, số tiền 1.100.000.000đ là số tiền lớn, giao dịch được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân ông R, bà C đang chung sống, bà C là người trực tiếp quán xuyến công việc kinh doanh cũng như mọi chi tiêu sinh hoạt gia đình. Hơn nữa, tại cấp phúc thẩm ông R cũng không cung cấp được tài liệu gì mới chứng minh kháng cáo của ông là có căn cứ. Vì vậy, Tòa cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 27; Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim O là có căn cứ.

Về lãi suất của số tiền vay, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất của số tiền vay là 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 30/5/2023 đến ngày 16/10/2023 tương đương số tiền lãi là [1.100.000.000 x 10%/năm x 139 ngày] : 365 ngày = 41.890.410 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của bà C đồng ý với mức lãi suất, thời gian tính lãi mà nguyên đơn yêu cầu. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất, thời gian tính lãi là phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ, lập luận nêu trên Tòa cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Lê Văn R, bà Vũ Thị Minh C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Kim O và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H số nợ gốc là 1.100.000.000 đồng và nợ lãi 41.890.410 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là

1.141.890.410 (Một tỷ, một trăm bốn mươi mốt triệu, tám trăm chín mươi nghìn, bốn trăm mười đồng) là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông R đề nghị sửa án sơ thẩm là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí dân sự phúc thẩm ông R phải chịu 300.000 đồng.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn R.

+ Giữ nguyên Bản án số: 38/2023/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim O

Buộc bị đơn ông Lê Văn R, bà Vũ Thị Minh C có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Trần Thị Kim O và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H số tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 16/10/2023 là 41.890.410 đồng, tổng cộng là 1.141.890.410 đồng (Một tỷ, một trăm bốn mươi mốt triệu, tám trăm chín mươi nghìn, bốn trăm mười đồng).

2/ *Án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Lê Văn R, bà Vũ Thị Minh C phải liên đới chịu 46.257.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

3/ Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho bà Trần Thị Kim O số tiền 23.563.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016269 ngày 19/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

4/ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn R phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông R đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016451 ngày 06 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Phú Riềng;
- THADS huyện Phú Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Hùng